

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 9 - 2023
“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình, ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lâm Tới; bà Nguyễn Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Neàng Sa Men - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 173/2023/TLST-HN&GD ngày 31 tháng 5 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1998; nơi cư trú: tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Phan Tuấn A, sinh năm 1994; nơi cư trú: tổ A, khóm M, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ (sau đây gọi tắt là bà Đ hoặc nguyên đơn) trình bày: Bà với ông Phan Tuấn A tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2017 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, về sau cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng. Từ tháng 5/2022 cho tới nay, bà và ông Tuấn A không còn sống chung, nguyên nhân do ông Tuấn A thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và không thể hàn gắn được tình cảm. Do đó, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận bà với ông Phan Tuấn A là vợ chồng.

- Về con chung, cấp dưỡng: Quá trình chung sống, bà và ông Tuấn A không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: sổ hộ khẩu tên chủ hộ Nguyễn Văn H; căn cước công dân tên Nguyễn Thị Ngọc Đ (bản photo).

Bị đơn ông Phan Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, ghi nhận ý kiến nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa,

- Theo Biên bản ghi lời khai ngày 29/8/2023, bà Đ yêu cầu Tòa án không công nhận bà với ông Tuấn A là vợ chồng, không yêu cầu Tòa án hòa giải đối với vụ án và yêu cầu được vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về giải quyết vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận bà Đ, ông Tuấn A là vợ chồng; về con chung, tài sản chung, nợ chung, bà Đ khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy:

* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Tuấn A. Ông Tuấn A có nơi cư trú trên địa bàn thị xã T. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, bà Đ có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa; ông Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ, ông Tuấn A.

** Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân, bà Đ và ông Tuấn A có tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn.

Theo hộ khẩu thường trú của bà Nguyễn Thị Ngọc Đ thể hiện, bà Đ cư trú tại xã B, huyện C, tỉnh An Giang và theo xác minh của Tòa án thể hiện, ông Phan Tuấn A cư trú tại xã (nay là phường), thị xã T, tỉnh An Giang. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C và Ủy ban nhân dân phường N, thị xã T cùng cho biết, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ và ông Phan Tuấn A chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C và Ủy ban nhân dân phường N, thị xã T.

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng*”.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ và ông Phan Tuấn A chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét, không công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc Đ và ông Phan Tuấn A là vợ chồng.

[4] Về con chung, cấp dưỡng; tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Thông báo số 45/TB-TA ngày 09/8/2023 về việc yêu cầu cung cấp lời khai, chứng cứ nhưng ông Tuấn A không thực hiện nên không có cơ sở xem xét ý kiến, yêu cầu của ông Tuấn A. Bà Đ khai không có con chung; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm, bà Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định. Ông Tuấn A không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Ngọc Đ**.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà **Nguyễn Thị Ngọc Đ** và ông **Phan Tuấn A** là vợ chồng.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Đ** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số TU/2022/0009163 ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tịnh Biên; bà **Đ** đã nộp đủ án phí.

Ông **Phan Tuấn A** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND thị xã Tịnh Biên (2);
- Chi cục THADS thị xã Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phí Thị Phương Nhung